

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 425/2026/DS-ST

Ngày: 26/6/2026

Về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Duy Hùng;

2. Ông Ngô Văn Bi;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp: Ông Trần Huỳnh Đức Lập – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 202/2026/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2026 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 372/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 350/2026/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1972.

CCCD số: 082172002856;

Địa chỉ: khu phố H, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1987.

CCCD số: 082187005675;

Địa chỉ: khu phố G, phường G, tỉnh Đồng Tháp. (Theo Giấy ủy quyền ngày 29/01/2026)

- Bị đơn: Bà **Phạm Thị Bích T1**, sinh năm 1972.

CCCD số: 082172019644;

Địa chỉ: khu phố L, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; bà T1 vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Huỳnh Thị T có người đại diện theo ủy quyền chị Huỳnh Thị H trình bày:*

Bà Huỳnh Thị T và bà Phạm Thị Bích T1 là bạn thân của nhau. Ngày 13/8/2025, bà T1 có vay của bà T số tiền 193.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Bà T1 nhận tiền trực tiếp, có viết giấy mượn nợ và hứa ngày 13/10/2025 trả nợ. Sau khi vay tiền, bà T1 không đóng lãi, bà T đã nhiều lần liên lạc yêu cầu đóng lãi thì bà T1 có trả được 2.000.000 đồng tiền lãi và hứa vài hôm sẽ đóng tiếp phần tiền lãi còn thiếu. Tuy nhiên cho đến nay, bà T đã nhiều lần yêu cầu bà T1 đóng lãi và trả nợ nhưng phía bà T1 chỉ hứa hẹn và tránh né. Do đó bà T khởi kiện yêu cầu buộc bà Phạm Thị Bích T1 có nghĩa vụ phải trả số tiền nợ gốc là 193.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 14/9/2025 cho đến khi xét xử xong vụ án với mức lãi suất 1,66%/tháng, yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Huỳnh Thị H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 14/10/2025 đến ngày Tòa án xét xử vụ án (đồng ý tính tròn tháng) là 08 tháng và trừ lại số tiền lãi 2.000.000 đồng bà T1 đã đóng.

** Bị đơn bà Phạm Thị Bích T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng bà T1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.*

* Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Bích T1 trả lại số tiền nợ vay, nên xác định đây là tranh chấp về “*hợp đồng vay tài sản*”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại phường S, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Đại diện Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Huỳnh Thị T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, dự phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp tờ Giấy mượn nợ viết tay trên giấy tập học sinh ghi ngày 13/8/2025 do bà T1 viết và ký tên ghi họ tên vào mục người mượn để xác nhận nợ. Trong tờ Giấy mượn nợ ngày 13/8/2025, bà T1 vay của bà T số tiền 193.000.000 đồng và hứa sẽ trả lại ngày 13/10/2025, nhưng đến nay bà T1 vẫn chưa trả tiền cho bà T.

[3.2] Bà Phạm Thị Bích T1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà T1 phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ của bà T cung cấp, xác định giao dịch vay tiền giữa bà T và bà T1 là có thật, bà T1 có vay của bà T số tiền 193.000.000 đồng đến nay chưa trả, nên việc bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T1 trả số tiền 193.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Về tiền lãi: Đại diện Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả đối với số tiền nợ gốc 193.000.000 đồng với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 14/10/2025 đến khi Tòa án xét xử vụ án (tính tròn tháng). Xét thấy bị đơn có nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn, thời hạn trả là ngày 13/10/2025 nhưng bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ làm ảnh hưởng quyền lợi của nguyên đơn, do đó nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nên được chấp nhận. Nguyên đơn đồng ý trừ lại số tiền lãi 2.000.000 đồng mà bị đơn đã đóng là phù hợp.

Số tiền lãi cụ thể: Thời gian tính lãi từ ngày 14/10/2025 đến ngày xét xử 26/6/2026 tính tròn tháng là 08 tháng. Cụ thể tiền lãi: 193.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 8 tháng = 12.815.200 đồng – 2.000.000 đồng tiền lãi đã nhận, nên số tiền lãi là 10.815.200 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi là: 193.000.000 đồng + 10.815.200 đồng = 203.815.200 đồng.

[4] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Nguyên đơn yêu cầu thực hiện nghĩa vụ khi án có hiệu lực pháp luật, bị đơn vắng mặt không có ý kiến. Xét việc bị đơn bà Phạm Thị Bích T1 vắng mặt không thỏa thuận được thời hạn thực hiện nghĩa vụ, nên cần buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ cho nguyên đơn khi án có

hiệu lực pháp luật; phương thức và thời gian thực hiện nghĩa vụ được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T.

1. Buộc bà Phạm Thị Bích T1 có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền là 203.815.200 đồng (*hai trăm lẻ ba triệu tám trăm mười lăm nghìn hai trăm đồng*), (trong đó nợ gốc là 193.000.000 đồng, nợ lãi là 10.815.200 đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong; bà T1 phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị Bích T1 phải chịu 10.190.000 đồng (*mười triệu một trăm chín mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Huỳnh Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại bà T 5.065.200 đồng (*năm triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002457 ngày 10/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm